Cơ quan: Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải
Email: cuchhvn@vinamarine.gov.vn
Thời gian ký: 24.03.2020 14:43:38 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 395/QĐ-CHHVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Công bố danh mục định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng.

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về "Quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công trình hàng hải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Định kỳ 03 năm một lần tổ chức cập nhật, công bố Danh mục định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Cảng vụ Hàng hải có trách nhiệm:

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải theo quy định;

- Căn cứ Danh mục khảo sát định kỳ tại Quyết định này để thông báo, hướng dẫn các Chủ đầu tư, Doanh nghiệp quản lý, khai thác thực hiện định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng theo quy định;

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng;

- Căn cứ điều kiện thực tế, mức độ sa bồi giữa 02 lần thông báo hàng hải định kỳ, xác định độ sâu đáy luồng hàng hải chuyên dụng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng để tổ chức điều động tàu thuyền ra, vào hợp lý đảm bảo an toàn hàng hải;

- Báo cáo kịp thời về Cục Hàng hải Việt Nam việc điều chỉnh, bổ sung định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường;

2. Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam có trách nhiệm thực hiện việc công bố thông báo hàng hải theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 243/QĐ-CHHVN ngày 08/3/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc các Cảng vụ Hàng hải, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Phòng: KHĐT, ATANHH, PC, VTDVHH, QLKCHTCB;
- Lưu: CTHH (*5b-Quân*), HCLT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI * CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Nguyễn Đình Việt

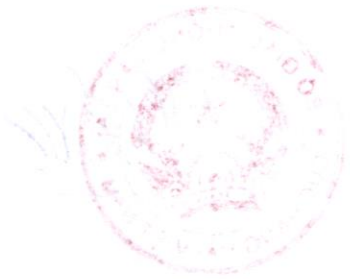

PHỤ LỤC

Danh mục định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến.

(Kèm theo Quyết định số 395 /QĐ-CHHVN ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Cục Hàng hải Việt Nam)

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
A	**KHU NƯỚC TRƯỚC BẾN CẢNG**		
	Cảng biển Quảng Ninh		
1.	Bến cảng Mũi Chùa	2 năm/ lần	Quảng Ninh
2.	Bến cảng Vạn Gia (Khu chuyển tải Vạn Gia)	2 năm/ lần	Quảng Ninh
3.	Bến cảng than Cẩm Phả	2 năm/ lần	Quảng Ninh
4.	Bến cảng Nhà máy xi măng Cẩm Phả	2 năm/ lần	Quảng Ninh
5.	Bến cảng tổng hợp Cái Lân	2 năm/ lần	Quảng Ninh
6.	Bến cảng xăng dầu B12	2 năm/ lần	Quảng Ninh
7.	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Hạ Long	2 năm/ lần	Quảng Ninh
8.	Bến cảng khách Hòn Gai	2 năm/ lần	Quảng Ninh
9.	Bến cảng nhà máy xi măng Hạ Long	2 năm/ lần	Quảng Ninh
10.	Bến cảng nhà máy xi măng Thăng Long	2 năm/ lần	Quảng Ninh
11.	Bến cảng xăng dầu Cái Lân	2 năm/ lần	Quảng Ninh
12.	Bến cảng Nhiệt điện Thăng Long (**)	1 năm/ lần	Quảng Ninh
13.	Bến cảng khách quốc tế Hạ Long (**)	1 năm/ lần	Quảng Ninh
14.	Bến cảng Hải Phát (*)	1 năm/ lần	Quảng Ninh
15.	Bến cảng Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines (*)	2 năm/ lần	Quảng Ninh
16.	Bến phao ITC Hòn Nét (**)	1 năm/ lần	Quảng Ninh
	Cảng biển Hải Phòng		
17.	Bến cảng Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
18.	Bến cảng Vật Cách	1 năm/ lần	Hải Phòng
19.	Bến cảng Đầu tư và phát triển cảng Đình Vũ	1 năm/ lần	Hải Phòng
20.	Bến cảng Xăng dầu Đình Vũ (19-9)	1 năm/ lần	Hải Phòng
21.	Bến cảng Đoạn Xá	1 năm/ lần	Hải Phòng
22.	Bến cảng Transvina	1 năm/ lần	Hải Phòng
23.	Bến cảng Hải Đăng	1 năm/ lần	Hải Phòng
24.	Bến cảng Green Port	1 năm/ lần	Hải Phòng
25.	Bến cảng Chùa Vẽ	1 năm/ lần	Hải Phòng
26.	Bến cảng Cửa Cấm	1 năm/ lần	Hải Phòng
27.	Bến cảng Thủy sản II	1 năm/ lần	Hải Phòng
28.	Bến cảng Thượng Lý	1 năm/ lần	Hải Phòng

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
29.	Bến cảng Gas Đài Hải	1 năm/ lần	Hải Phòng
30.	Bến cảng Total Gas Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
31.	Bến cảng xăng dầu Petec Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
32.	Bến cảng khí hóa lỏng Thăng Long	1 năm/ lần	Hải Phòng
33.	Bến cảng đóng tàu Bạch Đằng	1 năm/ lần	Hải Phòng
34.	Bến cảng Caltex	1 năm/ lần	Hải Phòng
35.	Bến cảng công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	1 năm/ lần	Hải Phòng
36.	Bến cảng đóng tàu Phà Rừng	1 năm/ lần	Hải Phòng
37.	Bến cảng Lilama Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
38.	Bến cảng cá Hạ Long	1 năm/ lần	Hải Phòng
39.	Bến cảng cơ khí Hạ Long	1 năm/ lần	Hải Phòng
40.	Bến cảng dầu K99	1 năm/ lần	Hải Phòng
41.	Bên cảng Biên Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
42.	Bến cảng Công ty 128	1 năm/ lần	Hải Phòng
43.	Bến cảng thiết bị vật tư Chùa Vẽ	1 năm/ lần	Hải Phòng
44.	Bến cảng Đông Hải	1 năm/ lần	Hải Phòng
45.	Bến cảng Hải An	1 năm/ lần	Hải Phòng
46.	Bến cảng Tiến Mạnh	1 năm/ lần	Hải Phòng
47.	Bến cảng Tân Vũ (Khu bến Đình Vũ)	1 năm/ lần	Hải Phòng
48.	Bến cảng trang trí công ty 189	1 năm/ lần	Hải Phòng
49.	Bến cảng Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tự Long	1 năm/ lần	Hải Phòng
50.	Bến cảng Nam Hải	1 năm/ lần	Hải Phòng
51.	Bến cảng Công ty vận tải và cung ứng xăng dầu (Quỳnh Cư)	1 năm/ lần	Hải Phòng
52.	Bến cảng DAP (hóa chất Việt Nam)	1 năm/ lần	Hải Phòng
53.	Bến cảng PTSC Đình Vũ	1 năm/ lần	Hải Phòng
54.	Bến cảng công ty Hóa dầu quân đội (Mipec)	1 năm/ lần	Hải Phòng
55.	Bến cảng Công ty TNHH MTV 189	1 năm/ lần	Hải Phòng
56.	Bến cảng Euro Đình Vũ	1 năm/ lần	Hải Phòng
57.	Bến cảng Công ty CP Dầu khí Hải Linh Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
58.	Bến cảng Nam Hải Đình Vũ	1 năm/ lần	Hải Phòng
59.	Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
60.	Bến cảng container Vip Greenport	1 năm/ lần	Hải Phòng
61.	Bến cảng Việt Nhật	1 năm/ lần	Hải Phòng
62.	Bến cảng Nam Ninh	1 năm/ lần	Hải Phòng
63.	Bến cảng Công ty CP CNTT và Xây dựng	1 năm/ lần	Hải Phòng

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
	Hồng Bàng (*)		
64.	Bến cảng rau quả, thực phẩm tổng hợp Hùng Vương	1 năm/ lần	Hải Phòng
65.	Bến cảng Nam Đình Vũ (**)	1 năm/ lần	Hải Phòng
66.	Bến cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (**)	1 năm/ lần	Hải Phòng
67.	Bến cảng Duy Linh (*)	1 năm/ lần	Hải Phòng
68.	Bến cảng Nam Bắc (*)	1 năm/ lần	Hải Phòng
69.	Bến phao chuyển tải Bạch Đằng	2 năm/ lần	Hải Phòng
70.	Bến phao chuyển tải Bến Gót	2 năm/ lần	Hải Phòng
	Cảng biển Hải Thịnh		
71.	Bến cảng Hải Thịnh	3 năm/ lần	Nam Định
72.	Bến cảng Thịnh Long	3 năm/ lần	Nam Định
	Cảng biển Thái Bình		
73.	Bến cảng Diêm Điền	3 năm/ lần	Thái Bình
74.	Bến cảng xuất nhập xăng dầu Hải Hà	2 năm/ lần	Thái Bình
	Cảng biển Nghi Sơn		
75.	Bến cảng xăng dầu Quảng Hưng	2 năm/ lần	Thanh Hóa
76.	Bến cảng Lệ Môn	2 năm/ lần	Thanh Hóa
77.	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn	2 năm/ lần	Thanh Hóa
78.	Bến cảng chuyên dụng Nhà máy xi măng Nghi Sơn	3 năm/ lần	Thanh Hóa
79.	Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 1	2 năm/ lần	Thanh Hóa
80.	Bến cảng Lọc hoá dầu Nghi Sơn	2 năm/ lần	Thanh Hóa
81.	Bến cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn (**)	1 năm/ lần	Thanh Hóa
	Cảng biển Nghệ An		
82.	Bến cảng Cửa Lò	1 năm/ lần	Nghệ An
83.	Bến cảng 400DWT của Tổng Công ty BĐATHH miền Bắc	1 năm/ lần	Nghệ An
84.	Bến cảng Bến Thủy	1 năm/ lần	Nghệ An
85.	Bến cảng xăng dầu Hưng Hòa	2 năm/ lần	Nghệ An
86.	Bến cảng Cục Hậu cần Quân khu IV	1 năm/ lần	Nghệ An
87.	Bến phao Nghi Hương	2 năm/ lần	Nghệ An
88.	Bến cảng chuyên dùng Vissai (**)	1 năm/ lần	Nghệ An
89.	Bến cảng chuyên dùng DKC (**)	1 năm/ lần	Nghệ An
	Cảng biển Hà Tĩnh		
90.	Bến cảng Xuân Hải	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
91.	Bến cảng Xuân Phổ	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
92.	Bến cảng Vũng Áng	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
93.	Bến cảng xăng dầu LPG Vũng Áng	2 năm/ lần	Hà Tĩnh

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
94.	Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
95.	Bến cảng Sơn Dương	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
	Cảng biển Quảng Bình		
96.	Bến cảng Gianh	3 năm/ lần	Quảng Bình
97.	Bến cảng xăng dầu Sông Gianh	3 năm/ lần	Quảng Bình
98.	Bến cảng Hòn La	3 năm/ lần	Quảng Bình
99.	Bến cảng Thắng Lợi	3 năm/ lần	Quảng Bình
	Cảng biển Quảng Trị		
100.	Bến cảng Cửa Việt	2 năm/ lần	Quảng Trị
101.	Bến phao xăng dầu Hưng Phát	2 năm/ lần	Quảng Trị
102.	Bến cảng Hợp Thịnh (**)	1 năm/ lần	Quảng Trị
	Cảng biển Thừa Thiên Huế		
103.	Bến cảng Thuận An	3 năm/ lần	Thừa Thiên Huế
104.	Bến cảng Chân Mây	2 năm/ lần	Thừa Thiên Huế
105.	Bến phao kho xăng dầu Chân Mây	2 năm/ lần	Thừa Thiên Huế
	Cảng biển Đà Nẵng		
106.	Bến cảng Tiên Sa	2 năm/ lần	Đà Nẵng
107.	Bến cảng chuyên dùng PETEC	2 năm/ lần	Đà Nẵng
108.	Bến cảng chuyên dùng của Nhà máy xi măng Hải Vân	2 năm/ lần	Đà Nẵng
109.	Bến cảng Hải Sơn	2 năm/ lần	Đà Nẵng
110.	Bến cảng Sơn Trà	2 năm/ lần	Đà Nẵng
111.	Bến cảng chuyên dùng Công ty Xăng dầu khu vực V	2 năm/ lần	Đà Nẵng
112.	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Tổng công ty Sông Thu	2 năm/ lần	Đà Nẵng
113.	Bến cảng chuyên dùng Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng	2 năm/ lần	Đà Nẵng
114.	Bến phao Mỹ Khê	3 năm/ lần	Đà Nẵng
115.	Bến phao PV OIL	3 năm/ lần	Đà Nẵng
116.	Bến phao Liên Chiểu (K83)	3 năm/ lần	Đà Nẵng
117.	Bến phao Petec	3 năm/ lần	Đà Nẵng
	Cảng biển Kỳ Hà		
118.	Bến cảng Kỳ Hà	2 năm/ lần	Quảng Nam
119.	Bến cảng gas của Công ty liên doanh khi đốt Đà Nẵng	2 năm/ lần	Quảng Nam
120.	Bến cảng Chu Lai (Cầu cảng số 1)	2 năm/ lần	Quảng Nam
	Cảng biển Dung Quất		

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
121.	Bến cảng Sa Kỳ	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
122.	Bến cảng Doosan - Dung Quất	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
123.	Bến cảng PTSC Quảng Ngãi	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
124.	Bến cảng Germadept	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
125.	Bến xuất sản phẩm Nhà máy lọc dầu Dung Quất	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
126.	Bến phao SPM- NMLD Dung Quất	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
127.	Bến neo NM CN tàu thủy Dung Quất	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
128.	Bến cảng Hào Hưng (**)	1 năm/ lần	Quảng Ngãi
129.	Bến cảng Hòa Phát Dung Quất (**)	1 năm/ lần	Quảng Ngãi
	Cảng biển Quy Nhơn		
130.	Bến cảng Quy Nhơn	2 năm/ lần	Quy Nhơn
131.	Bến cảng Thị Nại	2 năm/ lần	Quy Nhơn
132.	Bến cảng quân sự Quy Nhơn (Bến cảng Tân cảng miền Trung)	2 năm/ lần	Quy Nhơn
133.	Bến cảng Tân cảng Quy Nhơn	2 năm/ lần	Quy Nhơn
134.	Bến phao xăng dầu Bình Định 10.000 DWT	2 năm/ lần	Quy Nhơn
135.	Bến phao An Phú (Bến phao chuyên dụng dầu diezel 1.000DWT)	2 năm/ lần	Quy Nhơn
	Cảng biển Vũng Rô		
136.	Bến cảng tổng hợp Vũng Rô	3 năm/ lần	Quy Nhơn
137.	Bến phao xăng dầu Phú Yên	3 năm/ lần	Quy Nhơn
	Cảng biển Khánh Hoà		
138.	Bến cảng Đầm Môn (Bến cát Đầm Môn)	3 năm/ lần	Nha Trang
139.	Bến cảng Hòn Khói	3 năm/ lần	Nha Trang
140.	Bến cảng Nhà máy tàu biển Hyundai – Vinashin	3 năm/ lần	Nha Trang
141.	Bến cảng Trạm phân phối xi măng Ninh Thủy	3 năm/ lần	Nha Trang
142.	Bến cảng kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	3 năm/ lần	Nha Trang
143.	Bến cảng Nha Trang	3 năm/ lần	Nha Trang
144.	Bến cảng Học viện Hải quân	3 năm/ lần	Nha Trang
145.	Bến cảng Ba Ngòi	3 năm/ lần	Nha Trang
146.	Bến cảng nhà máy xi măng Cam Ranh	3 năm/ lần	Nha Trang
147.	Bến cảng quốc tế Cam Ranh	3 năm/ lần	Nha Trang
148.	Bến cảng Xăng dầu K662	3 năm/ lần	Nha Trang
149.	Bến cảng Khí hoá lỏng Hồng Mộc	3 năm/ lần	Nha Trang
150.	Bến phao Xăng dầu Mũi Chụt	3 năm/ lần	Nha Trang

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
151.	Bến cảng xi măng Long Sơn - Ninh Thủy (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
152.	Bến cảng Trạm nghiền xi măng Cam Ranh (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
153.	Bến cảng Bắc Vân Phong (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
154.	Bến cảng xi măng Xuân Thành (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
	Cảng biển Cà Ná		
155.	Bến cảng Ninh Chữ	3 năm/ lần	Bình Thuận
156.	Bến cảng Cà Ná (Bến cảng Muối)	3 năm/ lần	Nha Trang
	Cảng biển Bình Thuận		
157.	Bến cảng Phú Quý	1 năm/ lần	Bình Thuận
158.	Bến phao xăng dầu, LPG Tuy Phong	1 năm/ lần	Bình Thuận
159.	Bến cảng Phan Thiết	1 năm/ lần	Bình Thuận
160.	Bến cảng Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	1 năm/ lần	Bình Thuận
161.	Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân	1 năm/ lần	Bình Thuận
162.	Bến cảng Nhiệt điện Vĩnh Tân 1 (**)	1 năm/ lần	Bình Thuận
163.	Bến cảng Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (**)	1 năm/ lần	Bình Thuận
	Cảng biển thành phố Hồ Chí Minh		
164.	Bến cảng Sài Gòn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
165.	Bến cảng Tân Thuận Đông	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
166.	Bến cảng Nhà máy đóng, sửa chữa tàu biển Ba Son	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
167.	Bến cảng Tân Cảng	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
168.	Bến cảng Container Quốc tế Việt Nam (VICT)	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
169.	Bến cảng ELF gas Sài Gòn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
170.	Bến cảng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
171.	Bến cảng Dầu thực vật Nhà Bè (Navioil)	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
172.	Bến cảng Đóng tàu và công nghiệp hàng hải Sài Gòn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
173.	Bến cảng Đóng tàu An Phú	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
174.	Bến cảng Bến Nghé	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
175.	Bến cảng Rau Quả	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
176.	Bến cảng Bông Sen	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
177.	Bến cảng Tân cảng Cát Lái	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
178.	Bến cảng xăng dầu Sài Gòn Petro	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
179.	Bến cảng xăng dầu PVOil Nhà Bè	6 tháng/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
180.	Bến cảng xi măng Sao Mai	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
181.	Bến cảng X51	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
182.	Bến cảng thương mại sản phẩm hóa dầu Lâm Tài Chánh (Lataca)	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
183.	Bến cảng Cát Lái	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
184.	Bến cảng kho xăng dầu VK.102	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
185.	Bến cảng công nghiệp tàu thủy Sài Gòn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
186.	Bến cảng điện Hiệp Phước	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
187.	Bến cảng xi măng Chinfon Hải Phòng (tại Hiệp Phước)	6 tháng/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
188.	Bến cảng xi măng Holcim Hiệp Phước	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
189.	Bến cảng xi măng Nghi Sơn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
190.	Bến cảng xi măng Fico	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
191.	Bến cảng thương mại vận tải xăng dầu Minh Tấn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
192.	Bến cảng trường kỹ thuật nghiệp vụ Hàng Giang II	2 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
193.	Bến cảng Biển Đông	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
194.	Bến cảng chuyên dùng Calofic	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
195.	Bến cảng xi măng Thăng Long	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
196.	Bến cảng xi măng Hà Tiên 1	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
197.	Bến cảng container Trung tâm Sài Gòn (SPCT)	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
198.	Bến cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
199.	Bến cảng trang trí Nhà máy sửa chữa và đóng tàu Sài Gòn	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
200.	Bến cảng Tổng kho xăng dầu 102 mở rộng	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
201.	Bến cảng Tân cảng Hiệp Phước	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
202.	Bến cảng Container Quốc tế SP-ITC	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
203.	Bến cảng Saint-Gobain Việt Nam	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
204.	Bến cảng Nhà máy Xi măng Hạ Long (trạm nghiền phía Nam)	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
205.	Bến cảng Tân Thuận 2	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
206.	Các bến phao tại khu vực cảng biển Tp. HCM	1 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
207.	Bến phao Trường An 01, Trường An 06	2 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
208.	Bến phao BP3 cảng Bến Nghé	2 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
209.	Bến phao Hải Long 1, 2, 3	2 năm/ lần	Tp. Hồ Chí Minh
	Cảng biển Vũng Tàu		
210.	Bến cảng Baria Serece	2 năm/lần	Vũng Tàu
211.	Bến cảng Nhà máy điện Phú Mỹ	2 năm/lần	Vũng Tàu

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
212.	Bến cảng PVGas Vũng Tàu	2 năm/lần	Vũng Tàu
213.	Bến cảng Vietsovpetro	2 năm/lần	Vũng Tàu
214.	Bến cảng xi măng Cẩm Phả	2 năm/lần	Vũng Tàu
215.	Bến cảng thương cảng Vũng Tàu (phân cảng Cát Lở)	2 năm/lần	Vũng Tàu
216.	Bến cảng thượng Lưu PTSC	2 năm/lần	Vũng Tàu
217.	Bến cảng xăng dầu PTSC	2 năm/lần	Vũng Tàu
218.	Bến cảng hạ lưu PTSC	2 năm/lần	Vũng Tàu
219.	Bến cảng dầu K2 (phân cảng dầu Vũng Tàu)	2 năm/lần	Vũng Tàu
220.	Bến cảng Interflour Cái Mép	2 năm/lần	Vũng Tàu
221.	Bến cảng xăng dầu Đông Xuyên	2 năm/lần	Vũng Tàu
222.	Bến cảng đạm và dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ	2 năm/lần	Vũng Tàu
223.	Bến cảng thép Phú Mỹ	2 năm/lần	Vũng Tàu
224.	Bến cảng SCC-VN Thị Vải	2 năm/lần	Vũng Tàu
225.	Bến cảng Vungtau Shipyard	2 năm/lần	Vũng Tàu
226.	Bến cảng cá Cát Lở Vũng Tàu	2 năm/lần	Vũng Tàu
227.	Bến cảng thủy sản Cát Lở	2 năm/lần	Vũng Tàu
228.	Bến cảng hải đoàn 129	2 năm/lần	Vũng Tàu
229.	Bến cảng quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV)	2 năm/lần	Vũng Tàu
230.	Bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép	2 năm/lần	Vũng Tàu
231.	Bến cảng kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí (PVC-MS)	2 năm/lần	Vũng Tàu
232.	Bến cảng Vina Offshore	2 năm/lần	Vũng Tàu
233.	Bến cảng chế tạo dàn khoan dầu khí (PV Shipyard)	2 năm/lần	Vũng Tàu
234.	Bến cảng container Cái Mép Thượng	2 năm/lần	Vũng Tàu
235.	Bến cảng Công ty TNHH Vard Vũng Tàu	2 năm/lần	Vũng Tàu
236.	Bến cảng tổng hợp Thị Vải (ODA)	2 năm/lần	Vũng Tàu
237.	Bến cảng container quốc tế Cái Mép (ODA)	2 năm/lần	Vũng Tàu
238.	Bến cảng Quốc tế SP-PSA	2 năm/lần	Vũng Tàu
239.	Bến cảng trang trí 10.000DWT Nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển Sài Gòn	2 năm/lần	Vũng Tàu
240.	Bến cảng quốc tế Cái Mép (CMIT)	2 năm/lần	Vũng Tàu
241.	Bến cảng Hà Lộc	2 năm/lần	Vũng Tàu
242.	Bến cảng kho xăng dầu Cù Lao Tào	2 năm/lần	Vũng Tàu
243.	Bến cảng Khu công nghiệp Đông Xuyên	2 năm/lần	Vũng Tàu
244.	Bến cảng Bến Đầm (Côn Đảo)	2 năm/lần	Vũng Tàu

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
245.	Bến cảng Posco SS-Vina	2 năm/lần	Vũng Tàu
246.	Bến cảng Posco	2 năm/lần	Vũng Tàu
247.	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son	2 năm/lần	Vũng Tàu
248.	Bến cảng Nasos	2 năm/lần	Vũng Tàu
249.	Bến cảng Xăng Dầu Petro Vũng Tàu	2 năm/lần	Vũng Tàu
250.	Bến cảng Container quốc tế cảng Sài Gòn - SSA (SSIT)	2 năm/lần	Vũng Tàu
251.	Bến cảng quốc tế Thị Vải	1 năm/ lần	Vũng Tàu
252.	Bến cảng Hyosung Vina Chemicals (*)	1 năm/ lần	Vũng Tàu
253.	Bến cảng quốc phòng Quân Khu 7	1 năm/ lần	Vũng Tàu
254.	Các bến phao tại khu vực cảng biển Vũng Tàu	2 năm/lần	Vũng Tàu
	Cảng biển Đồng Nai		
255.	Bến cảng Đồng Nai	2 năm/ lần	Đồng Nai
256.	Bến cảng Gò Dầu A	2 năm/ lần	Đồng Nai
257.	Bến cảng Gò Dầu B	2 năm/ lần	Đồng Nai
258.	Bến cảng Vedan Phước Thái	2 năm/ lần	Đồng Nai
259.	Bến cảng chuyên dụng Long Thành	2 năm/ lần	Đồng Nai
260.	Bến cảng Gas PVC Phước Thái	2 năm/ lần	Đồng Nai
261.	Bến cảng Phú Đông	2 năm/ lần	Đồng Nai
262.	Bến cảng xăng dầu Phước Khánh	2 năm/ lần	Đồng Nai
263.	Bến cảng chuyên dùng VOPAK	2 năm/ lần	Đồng Nai
264.	Bến cảng Lafarge Xi măng	2 năm/ lần	Đồng Nai
265.	Bến cảng SCT Gas	2 năm/ lần	Đồng Nai
266.	Bến cảng Hải Hà – Đồng Nai	2 năm/ lần	Đồng Nai
267.	Bến cảng LPG Hồng Mộc	2 năm/ lần	Đồng Nai
268.	Bến cảng xăng dầu tổng kho 186	2 năm/ lần	Đồng Nai
269.	Bến cảng Xi măng Công Thanh	2 năm/ lần	Đồng Nai
270.	Bến cảng Tổng hợp KCN Ông Kèo (**)	1 năm/ lần	Đồng Nai
271.	Các bến phao tại khu vực cảng biển Đồng Nai	2 năm/ lần	Đồng Nai
	Cảng biển Bình Dương		
272.	Bến cảng tổng hợp Bình Dương	2 năm/ lần	Đồng Nai
	Cảng biển Tiền Giang		
273.	Bến cảng Mỹ Tho	2 năm/ lần	Mỹ Tho
274.	Bến cảng xăng dầu Soài Rạp - Hiệp Phước	2 năm/ lần	Mỹ Tho
275.	Bên cảng Fu-I	2 năm/ lần	Mỹ Tho
276.	Bến cảng quốc tế Long An	2 năm/ lần	Mỹ Tho
	Cảng biển Đồng Tháp		
277.	Bến cảng Đồng Tháp	3 năm/lần	Đồng Tháp

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
278.	Bến cảng Sa Đéc	3 năm/lần	Đồng Tháp
279.	Bến cảng xăng dầu Đồng Tháp	3 năm/lần	Đồng Tháp
	Cảng biển Cần Thơ		
280.	Cầu số 1 - Bến cảng Hoàng Diệu	3 năm/lần	Cần Thơ
281.	Bến cảng Sài Gòn Petro Cần Thơ	3 năm/lần	Cần Thơ
282.	Bến cảng Total Gas Cần Thơ	3 năm/lần	Cần Thơ
283.	Cầu số 2 - Bến cảng Tổng kho xăng dầu miền Tây	3 năm/lần	Cần Thơ
284.	Bến cảng chuyên dụng Phúc Thành	3 năm/lần	Cần Thơ
285.	Bến cảng lương thực Sông Hậu (Trà Nóc)	3 năm/lần	Cần Thơ
286.	Bến cảng kho xăng dầu Trà Nóc	3 năm/lần	Cần Thơ
287.	Bến cảng xăng dầu Petro Mekong	3 năm/lần	Cần Thơ
288.	Bến cảng X55	3 năm/lần	Cần Thơ
289.	Cầu số 2 - Bến cảng Hoàng Diệu	3 năm/lần	Cần Thơ
290.	Bến cảng vận tải thủy Cần Thơ	3 năm/lần	Cần Thơ
291.	Cầu số 1 - Bến cảng Tổng kho xăng dầu miền Tây	3 năm/lần	Cần Thơ
292.	Bến cảng Cái Cui	3 năm/lần	Cần Thơ
293.	Bến cảng Bình Minh	3 năm/lần	Cần Thơ
294.	Bến cảng Công ty CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu	3 năm/lần	Cần Thơ
295.	Bến cảng Nhiệt điện Ô Môn	3 năm/lần	Cần Thơ
296.	Bến cảng PV Gas South	3 năm/lần	Cần Thơ
297.	Bến cảng chuyên dùng xuất thạch cao NMNĐ Cần Thơ	3 năm/lần	Cần Thơ
298.	Bến cảng Tân cảng Cái Cui	3 năm/lần	Cần Thơ
299.	Bến cảng chuyên dùng quốc tế Lee & Man	3 năm/lần	Cần Thơ
300.	Bến cảng Vinalines Hậu Giang	3 năm/lần	Cần Thơ
301.	Bến cảng Sóc Trăng - Trần Đề (**)	1 năm/ lần	Cần Thơ
	Cảng biển Trà Vinh		
302.	Bến cảng Trung tâm điện lực Duyên Hải	1 năm/lần	Cần Thơ
303.	Bến cảng Trà Cú (*)	1 năm/lần	Cần Thơ
	Cảng biển An Giang		
304.	Bến cảng Mỹ Thới	3 năm/lần	An Giang
	Cảng biển Vĩnh Long		
305.	Bến cảng Vĩnh Long	3 năm/lần	Mỹ Tho
	Cảng biển Năm Căn		
306.	Bến cảng Năm Căn	3 năm/lần	Cà Mau

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
	Cảng biển Kiên Giang		
307.	Bến cảng Hòn Chông	3 năm/lần	Kiên Giang
308.	Bến cảng Bình Trị	1 năm/lần	Kiên Giang
309.	Bến cảng An Thới	1 năm/lần	Kiên Giang
310.	Bến cảng Bãi Vòng	3 năm/lần	Kiên Giang
B	**LUỒNG HÀNG HẢI CHUYÊN DÙNG**		
1.	Tuyến luồng vào Bến cảng than Cẩm Phả	2 năm/ lần	Quảng Ninh
2.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	2 năm/ lần	Quảng Ninh
3.	Tuyến luồng vào Bến cảng Xăng dầu Cái Lân	2 năm/ lần	Quảng Ninh
4.	Tuyến luồng vào Cầu cảng 500DWT, Bến cảng B12	2 năm/ lần	Quảng Ninh
5.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy Xi măng Hạ Long	2 năm/ lần	Quảng Ninh
6.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy đóng tàu Hạ Long	2 năm/ lần	Quảng Ninh
7.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy nhiệt điện Thăng Long (**)	1 năm/lần	Quảng Ninh
8.	Tuyến luồng vào Bến cảng Euro Đình Vũ	1 năm/ lần	Hải Phòng
9.	Tuyến luồng vào Bến cảng nhiệt điện Hải Phòng	1 năm/ lần	Hải Phòng
10.	Tuyến luồng vào Bến cảng chuyên dùng Xi măng Nghi Sơn	3 năm/ lần	Thanh Hóa
11.	Tuyến luồng Nhiệt điện Nghi Sơn 1	2 năm/ lần	Thanh Hóa
12.	Tuyến luồng vào Bến cảng Lọc hoá dầu Nghi Sơn	2 năm/ lần	Thanh Hóa
13.	Tuyến luồng vào Bến cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn (**)	1 năm/ lần	Thanh Hóa
14.	Tuyến luồng vào Bến phao Nghi Hương	2 năm/ lần	Nghệ An
15.	Tuyến luồng vào Bến cảng chuyên dùng Vissai (**)	1 năm/ lần	Nghệ An
16.	Tuyến luồng vào Bến cảng chuyên dùng DKC (**)	1 năm/ lần	Nghệ An
17.	Tuyến luồng vào Bến cảng xăng dầu LPG Vũng Áng	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
18.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhập than NMNĐ Vũng Áng 1	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
19.	Tuyến luồng vào Bến cảng Sơn Dương	2 năm/ lần	Hà Tĩnh
20.	Tuyến luồng vào Bến phao Kho xăng dầu Chân Mây	2 năm/ lần	T.Thiên Huế

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
21.	Tuyến luồng vào Bến phao Kho xăng dầu Thuận An	1 năm/ lần	T.Thiên Huế
22.	Tuyến luồng vào Bến phao Liên Chiểu	3 năm/ lần	Đà Nẵng
23.	Tuyến luồng vào Bến phao Mỹ Khê	3 năm/ lần	Đà Nẵng
24.	Tuyến luồng vào Bến cảng Doosan Dung Quất	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
25.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy đóng tàu Dung Quất	3 năm/ lần	Quảng Ngãi
26.	Tuyến luồng vào Bến cảng Hòa Phát Dung Quất (**)	1 năm/ lần	Quảng Ngãi
27.	Tuyến luồng vào Bến cảng Hào Hưng Quảng Ngãi (**)	1 năm/ lần	Quảng Ngãi
28.	Tuyến luồng vào Bến cảng Trạm phân phối xi măng Ninh Thủy	3 năm/ lần	Nha Trang
29.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy tàu biển Hyundai Vinashin	3 năm/ lần	Nha Trang
30.	Tuyến luồng vào Bến cảng Hòn Khói	3 năm/ lần	Nha Trang
31.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy xi măng Cam Ranh	3 năm/ lần	Nha Trang
32.	Tuyến luồng vào Bến cảng Học viên Hải quân	3 năm/ lần	Nha Trang
33.	Tuyến luồng vào Bến phao xăng dầu Mũi Chụt	3 năm/ lần	Nha Trang
34.	Tuyến luồng vào Bến cảng xăng dầu K662	3 năm/ lần	Nha Trang
35.	Tuyến luồng vào Bến cảng Khí hóa lỏng Hồng Mộc	3 năm/ lần	Nha Trang
36.	Tuyến luồng vào Bến cảng quốc tế Cam Ranh	3 năm/ lần	Nha Trang
37.	Tuyến luồng vào Bến cảng Cà Ná	3 năm/ lần	Nha Trang
38.	Tuyến luồng vào Bến cảng Ninh Chữ	3 năm/ lần	Nha Trang
39.	Tuyến luồng vào Bến cảng Xi măng Cam Ranh (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
40.	Tuyến luồng vào Bến cảng Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
41.	Tuyến luồng vào cảng tổng hợp Bắc Vân Phong (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
42.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy đóng bao Trạm phân phối xi măng Xuân Thành (**)	1 năm/ lần	Nha Trang
43.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhà máy đóng bao và phân phối xi măng Long Sơn – Ninh Thủy (**)	1 năm/ lần	Nha Trang

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
44.	Tuyến luồng vào Bến phao xăng dầu, LPG Tuy Phong	3 năm/ lần	Bình Thuận
45.	Tuyến luồng vào Bến cảng Nhiệt điện Vĩnh Tân (*)	1 năm/ lần	Bình Thuận
46.	Tuyến luồng vào Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân (*)	1 năm/ lần	Bình Thuận
47.	Tuyến luồng vào bến phao Cù Lao Tào (**)	1 năm/ lần	Vũng Tàu
48.	Tuyến luồng vào Bến cảng Căn cứ Vùng 2/QCHQ (*)	1 năm/ lần	Vũng Tàu
49.	Tuyến luồng vào Bến cảng thuộc Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam (Hóa dầu Long Sơn) (*)	1 năm/ lần	Vũng Tàu
50.	Tuyến luồng vào Bến cảng Xăng dầu Petro mekong	3 năm/ lần	Cần Thơ
51.	Tuyến luồng vào Bến cảng Trung tâm điện lực Duyên Hải	1 năm/ lần	Cần Thơ
52.	Tuyến luồng vào Bến cảng Bình Trị	1 năm/ lần	Kiên Giang
C	**KHU NEO ĐẬU CHUYỂN TẢI CHUYÊN DÙNG**		
1.	Khu chuyển tải xăng dầu Hải Hà (chuyển tải xăng dầu tàu 20.000DWT)	3 năm/ lần	Thái Bình
2.	Khu chuyển tải xăng dầu Hải Hà (cho tàu xăng dầu trọng tải đến 48.000DWT)	3 năm/ lần	Thái Bình
3.	Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, khu neo đậu, chuyển tải tạm thời tại vùng biển Thanh Hoá (Lệ Môn)	3 năm/ lần	Thanh Hóa
4.	Khu neo đậu chuyển tải tại vùng biển Nghi Sơn	3 năm/ lần	Thanh Hóa
5.	Khu chuyển tải tạm thời tại Cửa Hội - Bến Thuỷ	3 năm/ lần	Hà Tĩnh
6.	Khu chuyển tải hàng hoá cửa Gianh	3 năm/ lần	Quảng Bình
7.	Khu chuyển tải hàng hoá cảng Gianh kết hợp tránh trú bão cho tàu thuyền	3 năm/ lần	Quảng Bình
8.	Khu chuyển tải hàng hoá Hòn La	3 năm/ lần	Quảng Bình
9.	Khu chuyển tải Đá Vôi Dolomite và Đá vôi tại Hòn La	3 năm/ lần	Quảng Bình
10.	Khu chuyển tải tạm thời tại Cửa Việt	3 năm/ lần	Quảng Trị
11.	Khu chuyển tải cửa biển Tư Hiền - Tư Dung	3 năm/ lần	Thừa Thiên Huế
12.	Khu chuyển tải tạm thời tại Thuận An (phục vụ xuất clinker)	3 năm/ lần	Thừa Thiên Huế
13.	Khu chuyển tải tạm thời tại Thuận An (phục vụ xuất cát nhiễm mặn)	3 năm/ lần	Thừa Thiên Huế
14.	Khu chuyển tải Đề Gi	3 năm/ lần	Quy Nhơn

TT	Danh mục công trình	Số lần đo khảo sát, TBHH định kỳ	Cảng vụ Hàng hải quản lý
15.	Khu chuyển tải Đà Diễn	3 năm/ lần	Quy Nhơn
16.	Khu chuyển tải tạm thời khu vực cửa biển An Hải	3 năm/ lần	Quy Nhơn
17.	Khu chuyển tải vịnh Vân Phong	3 năm/ lần	Nha Trang
18.	Khu chuyển tải tạm thời tại vịnh Vân Phong	3 năm/ lần	Nha Trang
19.	Khu chuyển tải tạm thời tại vịnh Cam Ranh	3 năm/ lần	Nha Trang
20.	Khu neo đậu chuyển tải tại Duyên Hải	3 năm/ lần	Nha Trang
21.	Khu chuyển tải tại cửa sông Hàm Luông	3 năm/ lần	Mỹ Tho
22.	Khu neo đậu chuyển tải tại Vĩnh Tân (**)	1 năm/ lần	Bình Thuận
23.	Khu chuyển tải tại Duyên Hải, Trà Vinh và các khu chuyển tải ngoài biển (**)	1 năm/ lần	Cần Thơ
24.	Khu chuyển tải khu vực Cảng An Thới	3 năm/lần	Kiên Giang

(*) Các bến cảng, luồng hàng hải, khu neo đậu chuyển tải đang hoàn tất thủ tục công bố mở cảng chính thức.

(**) Các bến cảng, luồng hàng hải, khu neo đậu chuyển tải mới đưa vào hoạt động khai thác, cần theo dõi về diễn biến sa bồi.